TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-01-2022.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;
2. Ông Tô Văn Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 111 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thủy Mạnh T, sinh năm 1994; thường trú: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Đàm Quang N, sinh năm 1987; thường trú: Thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; tạm trú: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đặng Thủy Mạnh T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Đàm Quảng N tự tìm hiểu yêu thương nhau sau đó đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 05/7/2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do

anh N nhiều lần xúc phạm mẹ chị Trâm, mỗi lần gặp khó khăn là anh N muốn bán nhà để về quê khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhưng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm không còn chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đàm Đặng Gia H, sinh ngày 09/7/2017, hiện nay con chung đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 17/12/2021, bị đơn anh Đàm Quang N trình bày:* Anh N và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 17/12/2021. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và cãi vã đã nhiều lần nói chuyện nhưng không thể cứu vãn tình hình. Nay tình cảm giữa anh và chị T không còn, chị T yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Đàm Đặng Gia H, sinh ngày 09/7/2017, hiện nay con chung đang sống cùng chị T. Anh N đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chị T làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Nam là có căn cứ chấp nhận. Về con chung, sau ly hôn chị T và anh N đều thống nhất giao cháu Đàm Đặng Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố D nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Đặng Thủy Mạnh T, bị đơn anh Đàm Quang N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thủy Mạnh T và anh Đàm Quang N có chứng nhận kết hôn tại UBND phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 05/7/2016). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh N là hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thủy Mạnh T*: Qua trình bày của chị T thể hiện giữa chị và anh Đàm Quang N trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã nói nhiều lần nói chuyện nhưng không thể giải quyết được mẫu thuẫn. Mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Qua yêu cầu của chị T, trình bày của anh N thể hiện hôn nhân giữa chị T và anh N không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Trâm là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Chị T và anh N có 01 con chung tên Đàm Đặng Gia H, sinh ngày 09/7/2017, hiện nay đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tại bản tự khai anh N cũng đồng ý giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh N không cấp dưỡng nuôi con. Xét, hiện cháu Huy đang ở ổn định với chị T. Do vậy, thỏa thuận trên của chị T và anh N được ghi nhận phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị T, anh N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy, được chấp nhận.

[7] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con của nguyên đơn chị Đặng Thủy Mạnh T đối với bị đơn anh Đàm Quang N.*

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thủy Mạnh T được ly hôn với anh Đàm Quang N (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 05/7/2016 tại UBND phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2 Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Tiếp tục giao con chung cháu Đàm Đặng Gia H, sinh ngày 09/7/2017 cho chị Đặng Thủy Mạnh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đàm Quang N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Đặng Thủy Mạnh T, Đàm Quang N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị T phải tạo điều kiện cho anh N trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Đặng Thủy Mạnh T, Đàm Quang N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đặng Thủy Mạnh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003071 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND TP D (1);
- CC THADS TP D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND phường L, tp T TP. Hồ Chí Minh (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Quân